TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH

Bản án dân sự sơ thẩm
Số: 31/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 11/10/2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Xuân; Ông Trần Quang Lưu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa, Cán bộ tòa án.

Đại diện Viểm kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Du mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 232/2019/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2019 về Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1976(Có mặt)

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1971(vắng mặt)

Cùng có HKTT tại: Thôn Long Khám, xã Việt Đ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án chị D trình bày: Chị chung sống với anh N năm 1994 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Đ, huyện Tiên Sơn (nay là huyện Tiên Du). Vợ chồng chị đều ở cùng làng với nhau. Sau khi kết hôn anh chị sống ổn định đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N chơi bời lô đề, thường xuyên uống rượu say gây sự đánh đập mẹ con chị. Chị và gia đình khuyên bảo nhiều nhưng anh N không thay đổi. Suốt thời gian qua, vì các con chị nhẫn nhịn để giữ lại gia đình, mong anh N thay đổi nhưng anh N vẫn chứng nào tật ấy. Năm 2009 chị về nhà ngoại sống vợ chồng ly thân cho đến nay. Suốt thời gian ly thân, anh N cũng không lo lắng gì đến cuộc sống vợ chồng, về kinh tế chăm lo cho con cái anh N cũng mặc cho chị lo toan mà không hề có trách nhiệm. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể nhẫn nhịn tiếp được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung

Trần Thị Mỹ Linh, sinh năm 1997

Trần Văn Thành, sinh ngày 13/10/2006

Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 17/01/2008

Cháu Linh đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết;

Cháu Thành và cháu Dương còn đi học và hiện tại đang ở cùng chị. Vợ chồng ly hôn chị xin nuôi cả hai cháu vì từ trước đến nay anh N cũng không hề chăm lo gì cho các con;

Hiện tại công việc chính của chị là làm ruộng; Những lúc rảnh chị làm công nhân thời vụ tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tổng thu nhập cũng được khoảng 8.000.000đ đến 9.000.000đ/tháng; Từ trước đến nay vẫn một mình chị chăm lo cho gia đình, con cái nên chị đảm bảo sau này chị vẫn chăm lo đầy đủ cho các con được;

Việc cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết;

Tài sản chung, công nợ chị không yêu cầu giải quyết;

Phía anh N, Tòa án đã giao thông báo nhiều lần nhưng anh N luôn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, công bố chứng cứ và hòa giải được;

Ngày 18/9/2019 anh N có gửi đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và theo đơn anh có trình bày: Anh kết hôn với chị D năm 1994 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Đ, huyện Tiên Sơn (nay là huyện Tiên Du). Anh cho rằng vợ chồng anh chị chung sống bình thường không có mâu thuẫn đến năm 2008 sau khi sinh con thứ 3 thì tình cảm vợ chồng rạn nứt, không yêu thương nhau nữa; Việc chị D làm đơn xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh khai vợ chồng có 03 con chung như chị D trình bày; Con lớn (cháu Linh) đã trưởng thành;

Hai con nhỏ (cháu Thành và cháu Dương) anh đồng ý giao cho chị D nuôi dưỡng sau khi hai vợ chồng ly hôn;

Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu tòa án giải quyết;

Tài sản chung, công nợ không yêu cầu giải quyết;

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt và giữ nguyên quan điểm của mình;

Bị đơn (anh N) đã được giao giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng anh vắng mặt tuy nhiên anh đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên phiên tòa vẫn tiến hành;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du đã phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D.

Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Văn Thành, sinh ngày 13/10/2006 và Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 17/01/2008 cho chị D nuôi dưỡng chăm sóc;

Việc cấp dưỡng nuôi con không đề cập giải quyết;

Anh N được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Án phí: Chị D phải nộp án phí ly hôn;

NHẬN ĐỊNH CUẢ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định.

Chị Phạm Thị D và anh Trần Văn N kết hôn với nhau từ năm 1994 do tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Việt Đ, huyện Tiên Du, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn;

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D thì thấy: Đối với cuộc sống vợ chồng chị D và anh N, anh chị đều thừa nhận vợ chồng thực sự xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn phía chị D cho rằng do anh N chơi bời lô đề, thường xuyên uống rượu say gây sự đánh đập mẹ con chị còn anh N khai từ năm 2008 sau khi chị D sinh con thứ 3 thì tình cảm vợ chồng rạn nứt, không yêu thương nhau nữa. Chị D xin ly hôn và anh N cũng có lời khai nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị;

Về con chung: Anh chị có 03 con chung:

Con lớn Trần Thị Mỹ Linh, sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết;

Hai con nhỏ: Trần Văn Thành, sinh ngày 13/10/2006 và Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 17/01/2008 chị D có nguyện vọng được nuôi cả hai con và các con đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Anh N cũng nhất trí giao các con cho chị D. Xét cần giao cả hai con cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp;

Việc cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết;

Anh N được quyền thăm nom các con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 239, 243, 247, 248, 249, 254, 264 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị D với anh Trần Văn N;

2. Về con chung: Giao các con Trần Văn Thành, sinh ngày 13/10/2006 và Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 17/01/2008 cho chị D nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục;

Việc cấp dưỡng nuôi con không đề cập giải quyết.

Anh N được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2015/0000868 ngày 23/7/2019 của chi cục thi hành án huyện Tiên Du.

Chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND huyện Tiên Du;*
- *THADS huyện Tiên Du;*
- *UBND xã Việt Đ.*
- *Đương sự.*
- *Lưu*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Hằng